



## H␣ C ANH NG␣ TRÊN ĐÀI VOA

Đ␣ nghe bài h␣ c, xin [B␣ M V&Agrave;O Đ&Aacute;Y](#)

Đây là Ch␣ng Trình Anh Ng␣ Sinh Đ␣ng New Dynamic English, bài 140. Ph␣ m Văn xin kính chào quý v␣ thính gi␣. M␣ đ␣ u bài h␣ c, ta nghe đ␣n đ␣ i tho␣ i gi␣ a Freddy và Stephanie. Freddy mu␣n m␣ i Stephanie đ␣ xem xinê, nh␣ng cô t␣ ch␣ i. Ôn l␣ i: make a date=m␣ i b␣ n đ␣ ch␣ i. I have to wash my hair.=tôi ph␣ i g␣ i đ␣ u. I have to give my dog a bath.=tôi ph␣ i t␣ m cho chó c␣ a tôi. That's okay, it's no problem=không sao. Sau khi nghe xong, quý v␣ nghe và l␣ p l␣ i.

Cut 1

Daily Dialogue: Making a Date (Part 2)

Larry: Daily Dialogue: Making a Date (Part 2)

Stephanie has to wash her hair and give her dog a bath.

Larry: Listen to the conversation.

SFX: phone ring

Stephanie: Hello?

(short pause)

Freddy: Hi, Stephanie. This is Freddy.

(short pause)

Stephanie: Oh... hi... Freddy.

(short pause)

Freddy: Would you like to go to a movie tonight?

(short pause)

Stephanie: Oh, Freddy, I'm sorry, but I can't.

(short pause)

Freddy: Why not?

(short pause)

Stephanie: I have to wash my hair.

(short pause)

Freddy: That's okay. I'll wait.

(short pause)

Stephanie: No, really, I can't.

(short pause)

I have to give my dog a bath.

(short pause)

Freddy: No problem. I'll help you.

(short pause)

Larry: Listen and repeat.

Freddy: Why not?

(pause for repeat)

Stephanie: I have to wash my hair.

(pause for repeat)

Freddy: That's okay. I'll wait.

(pause for repeat)

Stephanie: No, really, I can't.

(pause for repeat)

I have to give my dog a bath.

(pause for repeat)

Freddy: No problem. I'll help you.

(pause for repeat)

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong ph n Man on the Street s p t i, Kent Moss ph ng v n Betty Li v "Feng Shui," [phát âm nh t ng Vi t 'phèng truê'] Phong thu . Kent talks to a woman carrying a mirror.=Kent nói v i m t ng i đàn bà đang c m m t t m g ng. Feng Shui=Phong thu , phép xem đ t đ xây nhà, tr ng cây hay bày bi n bàn gh cho hòa h p v i thiên nhiên. Feng Shui is the Chinese art of putting things in the best places in your house.=Phong Thu là ngh thu t bày bi n x p đ t đ v t [nh bàn gh gi ng t ] vào v trí t nh t trong nhà. Mirror=cái g ng. Candle=cây n n. A living room=phòng khách. A bedroom=phòng ng . I read a book about Feng Shui.=tôi đ c m t cu n sách v Phong thu . Betty Li nói: "It can bring you happiness, health and love."=thu t này có th đem l i h nh phúc, s c kho và tình yêu. This mirror is not for sale.=g ng này không bán.

Cut 2

Man on the Street: Betty Li

Larry: Man on the Street

Kent talks with a woman carrying a mirror.

The woman is studying Feng Shui.

It bring you happiness, health, money and love.

UPBEAT MUSIC

Kent: This is the New Dynamic English Man on the Street, Kent Moss.

With me is Betty Li.

Betty, may I ask why you're carrying that mirror?

Betty: I'm going to put it in my living room.

Kent: So your guests can look at their hair?

Betty: No! I'm putting it in my living room to bring me money.

Kent: How can a mirror bring you money?

Betty: I read a book about Feng Shui.

Kent: Feng Shui?

Betty: Yes, Feng Shui is the Chinese art of putting things in the best places in your house.

Kent: Hmmm! I see you're also carrying two red candles.

Betty: I'm going to put them in my bedroom.

Kent: To bring you money?

Betty: No!

To bring me love!

Kent: Love!

Feng Shui can bring love?

Betty: Certainly!

It can bring you happiness, health, money and love!

Kent: Wow!

Can I buy that mirror?

Betty: I'm sorry. It's not for sale.

MUSIC

NDE Closing

Larry: A Question for You

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: What kind of pictures do you like to draw?

(ding)

(pause for answer)

Max: OK!

MUSIC

Vietnamese Explanation

Trong phần Câu Chuyện Giữa Bài Story Interlude, ta nghe về “Recycling”—cách tái chế, tái động, tức là chôn cất hoặc dùng lại các chất phế thải. Động từ là to recycle. Recycle newspapers=tái chế giấy báo cũ để dùng lại. Recycling aluminum cans=tái chế lon (hộp) bằng nhôm. Recycling paper=tái chế giấy vụn đi. Stuff=things, goods, đồ, vật động. I have so much stuff to throw away in my office.=tôi có rất nhiều đồ vật đi vứt văn phòng tôi. Most of this paper is from the computer printer.=phần lớn giấy này từ máy in của máy vi tính. The other sides are blank.=mặt kia còn trống. Lobby=phòng khách ở trong nhà. [Lobbyist=người vận động.] To waste=lãng phí. To get rid of=bỏ đi. We want to get rid of this extra paper.=chúng ta muốn bỏ chôn giấy dư này đi. Put them in the recycling bin=bỏ vào thùng rác để tái chế. Hallway=hành lang. Newspapers go into the blue bin.=báo cũ bỏ vào thùng màu xanh. They will be picked up for recycling.=báo cũ sẽ được lấy đi để tái chế. I have to clean up my office.=tôi phải dọn sạch văn phòng của tôi.

Blank=đống trống, trống. A blank sheet of paper=tờ giấy trống, chưa viết gì lên. A blank tape=cuộn băng chưa thâu. A blank check=ngân phiếu ký số nhưng chưa ghi tên người và số tiền trả; còn có nghĩa bóng là cho toàn quyền hành động, như chôn carte blanche. His memory is completely blank=anh ta hoàn toàn không nhớ gì. To fire point blank=bắn thẳng. A blank mind=đầu óc trống rỗng. A blank look=vẻ nhìn lãnh đạm. Fill in the blanks with appropriate words.=điền vào chôn trống bằng chôn hợp nghĩa. This page is intentionally left blank=trang này chôn ý để trống. They just set up the recycling bin.=hôn vừa mới chôn chi chôn thùng rác để tái chế. Bundle=cuộn, bó. Toss=ném, throw away, pitch.

Cut 3

Story Interlude: Recycling=tái chế, tái động.

Larry: OK... and we're off the air. Good show.

SFX: Office sounds. Sound of box placed on table.

Kathy: Well, here you go, Max.

Max: What's that box for?

Kathy: It's for all this extra paper.

We can use most of this stuff again.

SFX: sound of paper being gathered and put in box [ti ng gi y đ ng đ c thu th p và b vào thùng.]

Max: You're right. Most of this paper is from the computer printer.

The other sides are blank.

SFX: door opening, footsteps

Kathy: I got this box in the lobby.

They think we waste too much paper.

Eliz: What are you guys doing? [you guys=m y b , m y b n.]

Max: We want to get rid of this extra paper.

What should we do with these old newspapers?

Eliz: Oh, put them in the recycling bin.

Max: Where's that?

SFX: footsteps, door opening

Eliz: It's right here in the hallway.

It's new. They just set it up.

Newspapers go in the blue bin.

Then, once a week, they will be picked up for recycling.

Max: Now I'll have to clean up my office!

SFX: sound of large bundle being tossed into bin [ti␣ ng cu␣ n l␣ n b␣ vào thùng.]

Larry: OK. Quiet, please, everyone. Ready for Functioning in Business.

#### Vietnamese Explanation

Trong ph␣ n Anh Ng␣ Th␣␣ ng M␣ i Trung C␣ p Functioning in Business, ta nghe ph␣ n “A New Customer, Part 5”, “Thân ch␣ M␣ i, Ph␣ n 5”. Ph␣ n này chú tr␣ ng vào nh␣ ng cách xin l␣ i –This program focuses on Apologizing.” Ta còn nh␣ trong m␣ y bài tr␣ c, Ông Blake thu␣ c hãng International Robotics chuyên ch␣ ng␣ i máy đ␣ n t␣ có h␣ n g␣ p ông Stewart Chapman, nh␣ ng ông này đi v␣ ng và ch␣ có ông David Gomez thay ông ti␣ p ông Blake. Mr. Blake expected to meet Mr. Chapman.= ông Blake mong đ␣ i là s␣ g␣ p ông Chapman. Mr. Chapman was out of town on a personal matter.= Ông Chapman đi v␣ ng kh␣ i t␣ nh vì chuy␣ n riêng. I remember being a bit nervous.=tôi nh␣ l␣ i là lúc đó tôi h␣ i b␣ n ch␣ n, áy náy. Ta hãy nghe l␣ i k␣ l␣ i c␣ a ông Gomez.

Cut 4

FIB Opening

FIB MUSIC lead in and then background

Eliz: Hello, I'm Elizabeth Moore. Welcome to Functioning in Business!

MUSIC swells and fades

Larry: Functioning in Business is an intermediate level business English course with a focus on American business practices and culture.

Today's unit is “A New Customer, Part 5.”

This program focuses on Apologizing.

MUSIC

Interview: Gomez

Larry: Interview

Eliz: Today, we are talking to Mr. David Gomez from his office in New York.

SFX: Phone beep

Eliz: Hello, Mr. Gomez.

Gomez: Hello.

Eliz: Today we are listening to your first conversation with Mr. Charles Blake.

If you remember, Mr. Blake expected to meet Mr. Chapman.

Gomez: Yes, Stewart was out of town on a personal matter.

And he asked me to meet Mr. Blake.

I remember being a bit nervous.

Eliz: Let's listen to part of that conversation.

## MUSIC

### Vietnamese Explanation

Trong phần này, ta nghe mẫu cuộc đời i giữa ông Blake và ông Gomez và cách dùng danh từ apology, và động từ to apologize. To apologize to someone for something.=xin lỗi ai vì chuyện gì. Mr. Gomez apologized to Mr. Blake for Mr. Chapman's absence.= Ông Gomez xin lỗi ông Blake vì ông Chapman vắng mặt. Mr. Chapman asked me to apologize to you.= Ông Chapman nhờ tôi xin lỗi ông. Danh từ là apology. Số nhiều là apologies. Please accept my apologies for being late =xin nhận lỗi xin lỗi cả tôi vì tôi trễ. Reception area.=khu tiếp khách. To assure=bổ o đảm, cam kết, đoán chắc. And he does assure me he is looking forward to meeting with you as soon as he gets back.=và ông ấy đoán chắc với tôi là ông sẽ mong gặp ông ngay sau khi ông trở về. In the meantime=trong lúc này. It's no problem=không sao. Tất cả đúng, That's all right. Familiar=quen thuộc. Products=sản phẩm. And I understand about Mr. Chapman's absence.=tôi thông cảm sự vắng mặt cả ông Chapman.

### Cut 5

Dialog: FIB Dialog, Blake, first meeting with Gomez

Larry: Dialog



Larry: Mr. Gomez apologizes for Mr. Chapman's absence.

He was called out of town on a personal matter very suddenly. Ông ph i đi v ng kh i t nh vì chuy n riêng đ t ng t.

SFX: reception area=khu ti p khách

Gomez: Did you have a good trip to New York?

Blake: Yes, and I'm looking forward to staying here for a few days and doing some business.

Gomez: Great. Uh, Mr. Chapman asked me to apologize to you.

He was called out of town on a personal matter very suddenly.

And he does assure me he is looking forward to meeting with you as soon as he gets back.

Blake: Uh huh.

Gomez: In the meantime, I'm quite familiar with International Robotics and your products...

...and so I'd like to work with you, if that would be all right.

Blake: Okay, sure. And I understand about Mr. Chapman's absence.

It's no problem.

MUSIC

Vietnamese Explanation

Bây gi , tr c khi nghe i đ an v a qua, ta hãy ôn i m y ch đã h c trong bài. Hãy nói nh ng câu sau đây b ng ti ng Anh, Tôi chào ông ta mà ông ta nhìn tôi b ng m t v lãnh đ m.=He returned my greeting with a blank look. [an expressionless look=v m t không bi n đ i.] Tr c khi vào phòng thi, tôi h i b n ch n lo ng.=Before entering the examination room, I was a bit nervous. Đ ng v t nh ng t gi y này đi vì còn tái đ ng. Don't throw these sheets of paper away, since they can be recycled. Hãy b nh ng t báo cũ này vào s t đ tái đ ng. Put these papers in the recycling bin. Toss these papers in the recycling bin. Tôi xin i vì đã đã nói nh ng i th t i v i cô.=I apologize to you for my impolite words. Xin cô nh n i xin i c a tôi ch ?.=Will you accept my apologies? Xin nghe i.

Cut 6

## Anh Ngữ sinh động - Bài số 140 : Cuộc đời tôi.

T&#225;c Gi&#7843;: VOA

Th&#7913; T&#432;, 22 Th&#225;ng 4 N&#259;m 2009 13:51

---

[same as section in Cut 5]

### Vietnamese Explanation

Quý vị vừa đọc xong bài 140 trong Chương Trình Anh Ngữ Sinh Động New Dynamic English.  
Phạm Văn xin kính chào quý vị và xin hẹn gặp lại trong bài học tiếp.